|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂNTỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:  /2019/QĐ-UBND |  *Hà Tĩnh, ngày  tháng  năm 2019* |
|  **DỰ THẢO** |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy định quản lý công nghệ trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số*[*08/2014/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/nghi-dinh-118-2015-nd-cp-huong-dan-luat-dau-tu-281054.aspx)*ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số*[*18/2015/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/nghi-dinh-18-2015-nd-cp-bao-ve-danh-gia-moi-truong-chien-luoc-danh-gia-tac-dong-moi-truong-266409.aspx)*ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số*[*59/2015/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/xay-dung-do-thi/nghi-dinh-59-2015-nd-cp-quan-ly-du-an-dau-tu-xay-dung-278744.aspx)*ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số*[*118/2015/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/nghi-dinh-118-2015-nd-cp-huong-dan-luat-dau-tu-281054.aspx)*ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;*

*Căn cứ Nghị định số*[*76/2018/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/cong-nghe-thong-tin/nghi-dinh-76-2018-nd-cp-huong-dan-luat-chuyen-giao-cong-nghe-380225.aspx)*ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 51/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ;*

*Căn cứ Quyết định số 18/2019/QĐ-TTg ngày 19/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ Quy định việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN ngày 15/5/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chế độ báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục hạn chế chuyển giao; mẫu văn bản trong hoạt động cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ, đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số /TTr-SKHCN ngày tháng năm 2019 và Báo cáo thẩm định số /BC-STP ngày tháng năm 2019 của Sở Tư Pháp.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.**Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định quản lý công nghệ trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh”.

**Điều 2.**Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2019, thay thế Quyết định số [61/2012/QĐ-UBND](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/cong-nghe-thong-tin/quyet-dinh-19-2013-qd-ubnd-quy-dinh-quan-ly-cong-nghe-tinh-thua-thien-hue-189716.aspx%22%20%5Co%20%22Quy%E1%BA%BFt%20%C4%91%E1%BB%8Bnh%2019/2013/Q%C4%90-UBND%22%20%5Ct%20%22_blank) ngày 08 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định quản lý công nghệ trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

**Điều 3.**Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Như Điều 3;- Văn phòng Chính phủ;- Bộ Khoa học và Công nghệ;- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;- Cổng TTĐT Chính phủ;- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;- Sở Tư pháp;- Chánh VP, các Phó Văn phòng;- Trung tâm TT-CB-TH;- Lưu: VT, VX. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂNCHỦ TỊCHTrần Tiến Hưng** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂNTỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**QUY ĐỊNH**

**Quản lý công nghệ trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số   /2019/QĐ-UBND ngày  tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định cụ thể một số nội dung trong công tác quản lý nhà nước về công nghệ; quy định về thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ các dự án đầu tư (sau đây gọi tắt là thẩm định công nghệ); quy định về chuyển giao công nghệ; quy định về nhập khẩu, quản lý máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

2. Các quy định khác không quy định tại Quy định này, được thực hiện theo Luật Chuyển giao công nghệ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này được áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước; các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ các dự án đầu tư; quy định về chuyển giao công nghệ; quy định về nhập khẩu, quản lý máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Các từ ngữ sử dụng trong Quy định này thống nhất với các từ ngữ sử dụng trong Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017, Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014, Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

**Chương II**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Mục 1**

**QUY ĐỊNH VỀ THẨM ĐỊNH CÔNG NGHỆ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

**Điều 4. Đối tượng thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư**

1. Trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư, việc thẩm định công nghệ dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, các đối tượng sau đây phải được thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ:

a) Dự án đầu tư sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao theo Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số [76/2018/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/cong-nghe-thong-tin/nghi-dinh-76-2018-nd-cp-huong-dan-luat-chuyen-giao-cong-nghe-380225.aspx) ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

b) Dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số [18/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/nghi-dinh-18-2015-nd-cp-bao-ve-danh-gia-moi-truong-chien-luoc-danh-gia-tac-dong-moi-truong-266409.aspx) ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

3. Trong giai đoạn quyết định đầu tư, việc thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ được thực hiện như sau:

a) Dự án đầu tư xây dựng sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc dự án đầu tư xây dựng có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ phải được thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;

b) Dự án đầu tư xây dựng có công nghệ không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này được thẩm định về công nghệ theo quy định của pháp luật về xây dựng;

c) Dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công không có cấu phần xây dựng được thẩm định về công nghệ theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

4. Trường hợp triển khai thực hiện dự án đầu tư đã được phê duyệt, nếu có điều chỉnh, thay đổi nội dung công nghệ đã được thẩm định hoặc có ý kiến thì chủ đầu tư phải báo cáo cơ quan đã thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ để tiến hành thủ tục thẩm định hoặc có ý kiến về việc điều chỉnh, thay đổi công nghệ.

5. Các dự án đầu tư không thuộc khoản 1, 2 và 3 Điều này nhưng do tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ.

**Điều 5. Thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư**

1. Thẩm quyền thẩm định công nghệ đối với dự án đầu tư có sử dụng vốn đầu tư công thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan có ý kiến về công nghệ đối với dự án quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 của quy định này.

3. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan có ý kiến về công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 của quy định này với dự án thuộc trường hợp phải quyết định chủ trương đầu tư.

**Điều 6. Thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn quyết định đầu tư**

1. Thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ của dự án quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 của quy định này được thực hiện như sau:

a) Sở Xây dựng hoặc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì, phối hợp với cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực cùng cấp thẩm định về công nghệ đối với dự án nhóm B, C sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

b) Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án nhóm B, C sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách và vốn khác;

c) Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì thẩm định dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

2. Thẩm quyền thẩm định công nghệ đối với dự án đầu tư quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 của quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.

3. Thẩm quyền thẩm định công nghệ đối với dự án đầu tư quy định tại điểm c khoản 3 Điều 4 của quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

4. Thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối dự án đầu tư thuộc khoản 5 Điều 4 của quy định này được thực hiện theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 của Quy định này.

**Điều 7. Hồ sơ thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ**

1. Văn bản đề nghị thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ.

2. Hồ sơ dự án đầu tư theo quy định của pháp luật. Trong đó, nội dung giải trình về sử dụng công nghệ trong hồ sơ dự án đầu tư theo Điều 16 Luật Chuyển giao công nghệ.

**Điều 8. Trình tự thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư**

Trình tự thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư thực hiện như sau:

1. Đối với dự án đầu tư có sử dụng vốn đầu tư công, trình tự thẩm định công nghệ được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Đối với dự án đầu tư quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 của Quy định này, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư có trách nhiệm gửi hồ sơ dự án đầu tư đến Sở Khoa học và Công nghệ để có ý kiến về công nghệ.

3. Đối với dự án đầu tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 của Quy định này, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư có trách nhiệm gửi hồ sơ dự án đầu tư đến cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh để có ý kiến về công nghệ.

4. Thời hạn có ý kiến về công nghệ quy định tại Điều này là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

**Điều 9. Trình tự thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư trong giai đoạn quyết định đầu tư**

1. Trình tự thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn quyết định đầu tư đối với dự án quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 của Quy định này thực hiện như sau:

a) Đối với dự án nhóm B, C sử dụng vốn ngân sách nhà nước, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án, cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng (Sở Xây dựng hoặc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành hoặc Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện) có trách nhiệm gửi văn bản kèm theo trích lục hồ sơ có liên quan đến cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước cùng cấp về ngành, lĩnh vực để có ý kiến về công nghệ;

b) Đối với dự án nhóm B, C sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách và vốn khác, chủ đầu tư gửi hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án tới cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng để thẩm định thiết kế cơ sở, trừ việc thẩm định phần thiết kế công nghệ; đồng thời gửi tới cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước cùng cấp về ngành, lĩnh vực với cơ quan chuyên môn về xây dựng để có ý kiến về thiết kế công nghệ;

Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng đồng thời là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực thì cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định về thiết kế cơ sở bao gồm cả thiết kế công nghệ;

c) Thời gian có ý kiến về công nghệ là 15 ngày đối với dự án nhóm B, 10 ngày đối với dự án nhóm C kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; trường hợp cần gia hạn thời gian có ý kiến về công nghệ thì thời gian gia hạn không quá thời hạn tương ứng quy định tại điểm này. Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo cho cơ quan chuyên môn về xây dựng hoặc chủ đầu tư về việc gia hạn bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng đồng thời là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực thì thời hạn thẩm định thiết kế công nghệ được tính trong thời hạn thẩm định thiết kế cơ sở theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Trình tự thẩm định công nghệ đối với dự án đầu tư quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 của Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.

3. Trình tự thẩm định công nghệ đối với dự án đầu tư quy định tại điểm c khoản 3 Điều 4 của quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

**Điều 10.** **Thực hiện thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ dự án đầu tư**

1. Cơ quan có thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư thực hiện thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư; trường hợp cần tham vấn chuyên môn thì thực hiện thông qua các hình thức sau đây:

a) Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ;

b) Lấy ý kiến tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập.

2. Hội đồng tư vấn do cơ quan chủ trì có ý kiến về công nghệ quyết định thành lập. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, trung thực, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp. Hội đồng tư vấn chịu trách nhiệm về kết luận và kiến nghị trước cơ quan thành lập hội đồng. Kết luận và kiến nghị của hội đồng phải được lập thành văn bản.

3. Thành viên hội đồng tư vấn chịu trách nhiệm trước pháp luật về ý kiến của mình và giữ bí mật thông tin liên quan đến dự án đầu tư. Ý kiến của các thành viên hội đồng phải được lập thành văn bản.

4. Nội dung thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư được thực hiện theo Điều 19 Luật Chuyển giao công nghệ.

**Điều 11. Kinh phí tổ chức thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ dự án đầu tư**

Kinh phí tổ chức thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ dự án đầu tư được thực hiện như sau:

a) Trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư kinh phí chi cho công tác thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ được đảm bảo bằng ngân sách tỉnh;

b) Trong giai đoạn quyết định đầu tư kinh phí chi cho công tác thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ do chủ đầu tư chịu trách nhiệm và được tính trong tổng mức đầu tư;

c) Đối dự án đầu tư thuộc khoản 5 Điều 4 của quy định này, kinh phí thẩm định do tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định hoặc ý kiến về công nghệ chi trả;

d) Nội dung chi và mức chi tổ chức thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ dự án đầu tư như sau:

- Nội dung chi: Chi cho chuyên gia tư vấn, đánh giá; chi tổ chức hội nghị tư vấn; chi tổ chức hội đồng thẩm định; chi phí ăn, ở, đi lại cho các chuyên gia, thành viên hội đồng; chi phí in ấn tài liệu, nước uống phục vụ hội nghị.

- Mức chi: Áp dụng mức chi thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ theo Quyết định số [57/2015/QĐ-UBND](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/quyet-dinh-18-2016-qd-ubnd-muc-xay-dung-du-toan-kinh-phi-nhiem-vu-khoa-hoc-cong-nghe-thua-thien-hue-306289.aspx) ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định định mức xây dựng, phân bổ và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh và các văn bản hiện hành có liên quan.

**Mục 2**

**QUY ĐỊNH VỀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

**Điều 12. Đối tượng công nghệ, hình thức, phương thức chuyển giao công nghệ, Nội dung hợp đồng chuyển giao công nghệ**

1. Đối tượng công nghệ, hình thức, phương thức chuyển giao công nghệ thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 của Luật Chuyển giao công nghệ.

2. Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao, Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao và Danh mục công nghệ cấm chuyển giao được quy định tại Điều 3 của Nghị định số [76/2018/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/cong-nghe-thong-tin/nghi-dinh-76-2018-nd-cp-huong-dan-luat-chuyen-giao-cong-nghe-380225.aspx) ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

3. Nội dung hợp đồng chuyển giao công nghệ thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Luật Chuyển giao công nghệ.

**Điều 13. Đăng ký chuyển giao công nghệ và thẩm quyền cấp Giấy nhận đăng ký chuyển giao công nghệ**

1. Hợp đồng chuyển giao công nghệ và phần chuyển giao công nghệ quy định tại khoản 2 Điều 5 của Luật Chuyển giao công nghệ thuộc một trong những trường hợp sau đây phải đăng ký với Sở Khoa học và Công nghệ, trừ công nghệ hạn chế chuyển giao đã được cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ:

a) Chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam thông qua thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 3 của Điều này;

b ) Chuyển giao công nghệ trong nước có sử dụng vốn nhà nước hoặc ngân sách nhà nước, trừ trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ không thuộc trường hợp phải đăng ký quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ

a) Đối với chuyển giao công nghệ thông qua thực hiện dự án đầu tư:

Sở Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ đối với chuyển giao công nghệ của dự án đầu tư trên địa bàn quản lý thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp, Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đầu tư công; dự án thuộc diện cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không thuộc trường hợp phải có quyết định chủ trương đầu tư của Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; trường hợp tự nguyện đăng ký theo khoản 2 Điều này.

b) Đối với chuyển giao công nghệ độc lập và hình thức khác theo quy định của pháp luật:

Sở Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ đối với chuyển giao công nghệ trong nước có sử dụng vốn nhà nước hoặc ngân sách nhà nước và trường hợp tự nguyện đăng ký theo khoản 2 Điều này đối với chuyển giao công nghệ trong nước.

4. Hồ sơ, trình tự, thủ tục, nội dung đăng ký chuyển giao công nghệ

a) Hồ sơ, trình tự, thủ tục, nội dung đăng ký chuyển giao công nghệ được thực hiện theo khoản 3, 4, 5 và 6 Điều 31 của Luật Chuyển giao công nghệ và Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

b) Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm hành chính công tỉnh Hà Tĩnh để Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ.

**Điều 14. Đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ**

1. Đối với công nghệ đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, nếu các bên có thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ thì gửi hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ để cấp giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.

2. Hồ sơ đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ thực hiện theo Điều 33 Luật Chuyển giao công nghệ và Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chế độ báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao; mẫu văn bản trong hoạt động cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ, đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.

3. Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm hành chính công tỉnh Hà Tĩnh để Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, cấp Giấy đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.

**Điều 1****5. Hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ; hoàn trả các khoản hỗ trợ, ưu đãi**

1. Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ bị hủy bỏ hiệu lực trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Chuyển giao công nghệ, cụ thể:

a) Vi phạm nội dung trong giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ;

b) Giả mạo hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ;

c) Theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp vi phạm phàm luật có liên quan.

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy chúng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ và được hưởng hỗ trợ, ưu đãi theo quy định của pháp luật mà Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ bị hủy bỏ hiệu lực thì phải hoàn trả Nhà nước các khoản hỗ trợ, ưu đãi đã được nhận theo quy định tại Điều 7 của Nghị định số [76/2018/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/cong-nghe-thong-tin/nghi-dinh-76-2018-nd-cp-huong-dan-luat-chuyen-giao-cong-nghe-380225.aspx) ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

**Điều 16. Dịch vụ chuyển giao công nghệ**

1. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực hoạt động các loại hình dịch vụ chuyển giao công nghệ như: Môi giới chuyển giao công nghệ; Tư vấn chuyển giao công nghệ; Đánh giá công nghệ; Thẩm định giá công nghệ; Giám định công nghệ; Xúc tiến chuyển giao công nghệ.

2. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ chuyển giao công nghệ thực hiện theo Điều 46 và Điều 47 Luật Chuyển giao công nghệ.

3. Tổ chức thực hiện hoạt động đánh giá, thẩm định giá, giám định công nghệ

a) Tổ chức thực hiện hoạt động đánh giá, thẩm định giá, giám định công nghệ là tổ chức khoa học và công nghệ hoặc doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đánh giá, thẩm định giá, giám định công nghệ.

b) Tổ chức thực hiện hoạt động thẩm định giá công nghệ phải đáp ứng điều kiện được quy định tại pháp luật về giá và quy định điều kiện đặc thù về nhân lực, cơ sở vật chất - kỹ thuật.

c) Hằng năm, gửi báo cáo kết quả hoạt động đánh giá, thẩm định giá, giám định công nghệ tới Sở Khoa học và Công nghệ.

**Điều 17. Kiểm tra, giám sát công nghệ trong dự án đầu tư và chuyển giao công nghệ**

1. Việc ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong dự án đầu tư theo quy định tại Điều 4 của quy định này phải được kiểm tra, giám sát trong quá trình triển khai, thực hiện.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành để kiểm tra, giám sát công nghệ trong dự án đầu tư cùng với việc kiểm tra, giám sát đầu tư theo quy định của pháp luật.

3. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra hoạt động chuyển giao công nghệ trong các trường hợp sau đây:

a) Theo kế hoạch;

b) Khi có dấu hiệu vi phạm về ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong quá trình triển khai, thực hiện dự án đầu tư và hoạt động chuyển giao công nghệ.

4. Các hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động chuyển giao công nghệ và thẩm quyền xử phạt thực hiện theo Nghị định số 51/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ.

**Điều 18. Đánh giá trình độ công nghệ sản xuất**

1. Theo kế hoạch định kỳ 2-3 năm hoặc nhiệm vụ đột xuất phát sinh hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức đánh giá trình độ công nghệ sản xuất các ngành, lĩnh vực, địa phương của tỉnh theo quy định hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Kinh phí tổ chức thực hiện lấy từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh.

**Điều 19. Báo cáo, thống kê hoạt động chuyển giao công nghệ**

1. Các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; các tổ chức, cá nhân đã đăng ký chuyển giao công nghệ báo cáo, thống kê về tình hình thực hiện đầu tư công nghệ, chuyển giao công nghệ khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

2. Hằng năm, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

**Mục 3**

**QUY ĐỊNH VỀ NHẬP KHẨU, QUẢN LÝ MÁY MÓC, THIẾT BỊ, DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ ĐÃ QUA SỬ DỤNG**

**Điều 20. Quy định về nhập khẩu, quản lý máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng**

1. Quy định nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 18/2019/QĐ-TTg ngày 19/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Quy định quản lý máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng nhập khẩu khi đi vào hoạt động:

a) Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân phải tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bảo vệ môi trường đối với việc đưa vào sử dụng máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng nhập khẩu khi đi vào hoạt động trên địa bàn tỉnh;

b) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức kiểm tra việc thực hiện việc quy định tại khoản a Điều này và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

c) Sở Khoa học và Công nghệ cập nhật danh mục máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng đã được Bộ Khoa học và Công nghệ công bố loại bỏ do lạc hậu, chất lượng kém, gây ô nhiễm môi trường trên Cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ và kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định.

**Điều 21. Quy định chế độ báo cáo việc nhập khẩu, đầu tư, sử dụng máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng**

1. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu, Cục Hải quan tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Khoa học và Công nghệ về thống kê về số liệu tình hình thực hiện nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng theo quy định tại Quyết định số 18/2019/QĐ-TTg ngày 19/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ (tên doanh nghiệp nhập khẩu, địa chỉ liên lạc, lĩnh vực sử dụng máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ, nước sản xuất, giá trị nhập khẩu).

2. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm và đột xuất khi có yêu cầu, các dự án đầu tư, sử dụng máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng nhập khẩu vào hoạt động theo quy định tại Quyết định số 18/2019/QĐ-TTg ngày 19/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ phải thực hiện báo cáo tình hình đầu tư, sử dụng máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng đến Sở Khoa học và Công nghệ và cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 22. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ**

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý công nghệ. Theo dõi, tổng hợp, tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thực hiện pháp luật về công nghệ, chuyển giao công nghệ. Tổ chức bồi dưỡng kiến thức và nghiệp vụ về thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ, chuyển giao công nghệ cho các tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh.

3. Tổ chức thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ của dự án đầu tư theo quy định này.

4. Tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh; xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin, thống kê về chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ; báo cáo số liệu thống kê chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ.

5. Hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động phổ biến, chuyển giao giống cây trồng, giống vật nuôi hoặc công nghệ nuôi trồng, bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp; thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ tại địa phương; kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn kịp thời việc phổ biến, cung cấp giống cây trồng, giống vật nuôi, công nghệ gây thiệt hại cho người sử dụng.

6. Cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ; gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ theo thẩm quyền.

7. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về chuyển giao công nghệ theo thẩm quyền.

**Điều 23. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã**

1. Các cơ quan tiếp nhận hồ sơ xin chủ trương đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý các khu kinh tế tỉnh có trách nhiệm gửi hồ sơ xin chủ trương đầu tư đến Sở Khoa học và Công nghệ để thẩm định hoặc cho ý kiến về công nghệ dự án đầu tư.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ; chủ trì có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc dự án đầu tư xây dựng có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ.

3. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan chức năng khác trong việc kiểm tra hoạt động chuyển giao công nghệ thuộc thẩm quyền, lĩnh vực được phân cấp quản lý.

4. Chỉ đạo các đơn vị thuộc quyền quản lý đẩy mạnh hoạt động áp dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, đổi mới công nghệ từ nguồn vốn sự nghiệp khoa học công nghệ và các nguồn vốn khác.

5. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn thực hiện các văn bản về quản lý công nghệ, chuyển giao công nghệ đối với ngành, địa phương.

6. Hằng năm, thống kê về tình hình chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ và gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ.

**Điều 24. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân**

1. Các tổ chức, cá nhân thực hiện dự án đầu tư phải cung cấp thông tin đầy đủ, trung thực trong hồ sơ thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư; chấp hành đúng phương án công nghệ đã thẩm định và chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Khoa học và Công nghệ, của các cơ quan liên quan.

2. Các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, các tổ chức, cá nhân đã đăng ký chuyển giao công nghệ có trách nhiệm gửi báo cáo tình hình đầu tư công nghệ, chuyển giao công nghệ về Sở Khoa học và Công nghệ theo khoản 1 Điều 19 của Quy định này.

3. Các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đã đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ đảm bảo nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 25 và Điều 26 của Luật Chuyển giao công nghệ.

4. Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư, sử dụng máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng nhập khẩu khi đi vào hoạt động trên địa bàn tỉnh phải tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bảo vệ môi trường.

**Điều 24. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
|   | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂNCHỦ TỊCHTrần Tiến Hưng** |